

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày: 29-08-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Bà Đặng Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1981, tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn L và bà Hoàng Thị L; có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con; tiền án: Tại bản án hình sự số 17/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11-02-2022, chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Tại Bản án số 149/HSST ngày 28-12-1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Năm 2002, chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2022 - Có mặt.

2. Lương Minh Q, sinh năm: 2001 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ dân phố 0, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Phạm Thị H; là con út trong gia đình có 02 chị em; nhân thân: Tại bản án số 132/2019/HSST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 29-8-2020, chấp hành xong hình phạt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2022 - có mặt.

3. Lê Nhật T, sinh năm 1998 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Xóm 9, thôn Tr,

xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T và bà Trương Thị Biên T; có vợ là Ka Nguyễn Thị T và có 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2022 - Có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện L, Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; là con út trong gia đình có 06 chị em; tiền án: Tại Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16/01/2020 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15-3-2021, chấp hành xong hình phạt; nhân thân: Tại Bản án số 02/2011/HS-ST ngày 17-11-2011 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 03-9-2013, chấp hành xong hình phạt; tại Bản án số 39/2016/HS-ST ngày 31/8/2016 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 02-10-2018, chấp hành xong hình phạt. Hiện đang tại ngoại - Có mặt.

5. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Bon K, xã Q, huyện Đ, Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Vũ Thị Y và có 02 con, lớn 07 tuổi, nhỏ 03 tuổi. Hiện tại ngoại - Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1996.
2. Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1980.
3. Anh Phan Thanh H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

5. Anh Lò Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

6. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trương Thị Biên T, địa chỉ: số 144, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Lưu Công Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường L, thành phố B, huyện B, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài nên Lưu Văn Đ, Lương Minh Q và Lê Nhật T thống nhất cùng nhau đi từ tỉnh Lâm Đồng đến thành phố G, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp chó. Trước khi đi, Đ tự chế tạo 01 bộ súng bắn điện kèm theo 02 mũi tên để phục vụ việc bắn chó và chuẩn bị các công cụ khác như: Băng keo, dây kẽm, bao tải, can nhựa đựng xăng để đi trộm cắp chó. Ngoài ra, Đ còn chuẩn bị thêm 02 con dao rựa với mục đích nếu bị người dân phát hiện thì sẽ dùng dao rựa để chống trả lại; còn Q mua đèn pin và bột ớt khô với mục đích nếu bị người dân phát hiện và truy đuổi thì sẽ dùng ớt bột ném làm cho người dân bị cay mắt không thể truy đuổi được. Các công cụ trên được Đ, Q cất giấu ở nhà Đ tại tổ dân phố 12, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 08-12-2022, Q đến nhà Đ hỏi Đ có đi trộm cắp chó không, thì Đ trả lời là “Có”. Lúc này, Đ gọi điện cho T hỏi “*em có đi chở hàng (chó) cho anh được không?*”, thì T đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát 77H1-265.xx (*Xe của bà Trương Thị Biên T, mẹ của T*) đi đến nhà Đ. Tại đây, Q, Đ thống nhất trả công chở chó trộm cắp đi tiêu thụ cho T là 7.000đ/kg thì T đồng ý. Sau đó, Đ và Q đi lấy các công cụ đã chuẩn bị trước đó để lên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển kiểm soát 49K1-417.xx (*Xe của anh Lưu Công Đ, con trai của Đ*); T lấy 01 giá chở hàng bằng kim loại, 01 giỏ nhựa chở hàng màu xanh, 01 can xăng (*trước đó Đ đã đi mua*) ở trong nhà Đ buộc cố định lên xe của T rồi tất cả cùng di chuyển đến địa bàn thành phố G. Đến khoảng 02 giờ 00 phút sáng ngày 09-12-2022, nhóm của Đ đến nơi. Tại đây, Q và Đ chạy theo hướng đầu đường đôi thành phố G (*hướng từ xã Q về thành phố G*) và bắt trộm 04 cá thể chó, sau đó gọi T đến chở chó đi bán. T chở 02 cá thể chó đến bán cho Nguyễn Văn Ng- chủ quán thịt chó N thuộc thôn N, xã Đ với số tiền 2.000.000 đồng; 02 cá thể chó còn lại T chở đến bán cho Nguyễn Văn N1 - Chủ quán thịt chó 20 tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó, Đ và Q chia mỗi người 1.500.000 đồng, T 400.000 đồng, còn lại 100.000 đồng để đổ xăng xe. Quá trình mua bán chó, N và N1 đều biết rõ các cá thể chó là do nhóm Đ trộm cắp mà có.

Đến khoảng 22 giờ 50 phút, ngày 09-12-2022, Đ, Q và T tiếp tục đi bắt trộm chó. Q chở Đ đi dọc các tuyến đường ở các thôn (N, Nam R, Đ), xã Đ bắt được 04 cá thể chó; Q trực tiếp chở 04 cá thể chó vừa trộm cắp được đến bán cho N, với trọng lượng 64kg (*chưa giao nhận tiền*). Sau khi cân xong, Q quay lại chở Đ đi dọc tuyến đường ngã ba B (thuộc phường N), khu vực tái định cư A, đường N, đường L, khu vực đồi pháo, đường H (*tất cả thuộc phường N*) để trộm cắp chó. Đến khoảng 03 giờ 50 phút ngày 10-12-2022, Đ và Q bắt được 05 cá thể chó. Sau đó, Đ gọi T đến chở chó đi bán cho N1 với trọng lượng 70kg. Khi N1 đang cân chó cho T thì bị lực lượng Công an huyện Đ và Công an tỉnh Đắk Nông phát hiện, thu giữ các cá thể chó và một số tang vật liên quan.

Sau khi xảy ra sự việc, ngày 10-12-2022 các bị hại anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1996; anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1980; anh Phan Thanh H, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; anh Lò Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường A, thành

phố G, tỉnh Đắk Nông; anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông. Kết quả xác minh, đã xác định được 06 chủ sở hữu đối với 08 cá thể chó bị mất trộm, còn 01 cá thể chó chưa xác định được chủ sở hữu (đã được làm sạch lông với khối lượng 10kg).

Tại kết luận định giá tài sản ngày 13-12-2022 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh các tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Nông kết luận: Giá trị của 08 cá thể chó mà Lưu Văn Đ, Lương Minh Q và Lê Nhật T đã trộm cắp và bán cho Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N1 chưa giết mổ có tổng trọng lượng 119kg có giá trị 5.950.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 45/CT-VKS-GN ngày 18-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố Lưu Văn Đ, Lương Minh Q và Lê Nhật T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Ngày 14-8-2023, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc làm rõ hành vi của Lê Nhật T có đủ căn cứ truy tố về vai trò đồng phạm với Lưu Văn Đ và Lương Minh Q quy định tại điểm d khoản 2 Điều 173 với tình tiết “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” hay không? Ngày 14-8-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa có văn bản trả lời về việc giữ nguyên Cáo trạng số 45/CT-VKS-GN ngày 18-5-2023, khẳng định đủ căn cứ để truy tố bị cáo Lê Nhật T phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Riêng bị cáo Lê Nhật T, bị cáo thừa nhận hành vi giúp sức cho Đ và Q chở chó trộm cắp đi tiêu thụ nhưng bị cáo khai không biết việc các bị cáo Đ và Q chuẩn bị các dụng cụ như dao, rựa, ớt bột để chống trả khi người dân phát hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Minh Q và bị cáo Lê Nhật T, mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật

Hình sự, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ đối với 02 dao, 05 can nhựa, 02 đèn pin, 06 cuộn băng keo, 01 súng độ chế, 02 mũi tên tự chế, 01 bình ắc quy, 01 giá chõ hàng, 02 giỏ nhựa, 01 túi nilon chứa ớt bột, 01 dây dù, 03 dây thun, 10 bao tải, 01 khung yên xe là các công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với các 03 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi và 01 cân đồng hồ là phương tiện phạm tội.

Trả lại cho Nguyễn Văn N, chị Trương Thị Biên T và anh Lưu Công Đ các chủ sở hữu hợp pháp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, 01 mắt camera nhãn hiệu IMOU, màu trắng đen, kèm theo 01 đầu sạc và 01 dây sạc camera do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Lưu Văn Đ số tiền 3.150.000 đồng thu giữ của Lưu Văn Đ.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với 04 con chó sống bằng hình thức bàn giao, trao trả trực tiếp cho chủ sở hữu và ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với 05 con chó đã chết bằng hình thức tiêu huỷ.

Các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác lưu tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 09-12-2022 đến 03 giờ 50 phút, ngày 10-12- 2022, trên địa bàn thành phố G, Lưu Văn Đ, Lương Minh Q đã lén lút trộm cắp 08 cá thể chó của gia đình anh Nguyễn Hữu M, Nguyễn Bá P, Phan Thanh H, Nguyễn Văn H, Lò Văn H, Nguyễn Thành N có trị giá 5.950.000 đồng. Ngoài ra, Lưu Văn Đ và Lương Minh Q đã chuẩn bị súng bắn điện tự chế, bột ớt, dao rựa nhằm để chống trả lại người dân khi bị phát hiện. Sau khi trộm cắp, Lưu Văn Đ và Lương Minh Q đưa một số cá thể chó cho Lê Nhật T chở đi bán cho Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N1, một số cá thể chó do Lương Minh Q chở đi bán cho Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N1 (*N và N1 đều biết rõ các cá thể chó trên là do trộm cắp mà có*). Như vậy, hành vi của bị cáo Lưu Văn Đ, Lương Minh Q và Lê Nhật T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N1 xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và

nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Lưu Văn Đ và Lương Minh Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Đối với Lê Nhật T, bị cáo không biết và cũng không buộc phải biết việc các bị cáo Đ và Q chuẩn bị cáo công cụ như dao, rựa, ớt bột với mục đích chống trả lại người dân khi bị phát hiện nên T không phải chịu trách nhiệm về hành vi của Đ và Q về việc “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Do đó, bị cáo Lê Nhật T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (*áp dụng tương tự án lệ số 17/2018/AL*).

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N đã bị kết án tại bản án số 01/2020/HSST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc về tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ Luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

d) *Dùng thủ đoạn nguy hiểm*

...

Điều 323. Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. *Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

...

đ) *Tái phạm nguy hiểm.*

...

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc cho bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội khi còn tiền án, do đó phải áp dụng tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo Đ, Q, T, N, N1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với T và N1, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo T và N1.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại các cá thể chó bị trộm cắp, các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn N1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 02 dao; 05 can nhựa; 02 đèn pin; 06 cuộn băng keo; 01 súng độ chế; 02 mũi tên tự chế; 01 bình ắc quy; 01 giá chở hàng; 02 giỏ nhựa; 01 túi nilon chứa ớt bột; 01 dây dù; 03 dây thun; 10 bao tải; 01 khung yên xe là các công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với các 03 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi và 01 cân đồng hồ là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8.3] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; 01 mắt camera nhãn hiệu IMOU, màu trắng đen, kèm theo 01 đầu xạc và 01 dây xạc camera do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Nguyễn Văn Nghĩa, chị Trương Thị Biên T và anh Lưu Công Đ các chủ sở hữu hợp pháp.

[8.4] Đối với số tiền 3.150.000 đồng thu giữ của Lưu Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[8.5] Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 15/QĐ-CSHS ngày 10-12-2022 đối với 04 con chó sông bằng hình thức bàn giao, trao trả trực tiếp cho chủ sở hữu và ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với 05 con chó đã chết bằng hình thức tiêu hủy là có căn cứ chấp nhận.

[9]. Xét chứng cứ buộc tội, quan điểm đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo Lưu Văn Đ, Lương Minh Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N1 của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với bị cáo Lê Nhật T quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chưa phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn Đ, Lương Minh Q, Lê Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lưu Văn Đ** 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10-12-2022.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Minh Q** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10-12-2022.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Nhật T** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10-12-2022.

1.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N1** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, Đắc Nông giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 02 dao; 05 can nhựa; 02 đèn pin; 06 cuộn băng keo; 01 súng độ chế; 02 mũi tên tự chế; 01 bình ắc quy; 01 giá chở hàng; 02 giỏ nhựa; 01 túi nilon chứa ớt bột; 01 dây dù; 03 dây thun; 10 bao tải; 01 khung yên xe.

2.2. Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 03 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi và 01 cân đồng hồ.

2.3. Trả lại cho Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung

Galaxy A03 và 01 mắt camera nhãn hiệu IMOU, màu trắng đen, kèm theo 01 đầu sạc và 01 dây sạc camera; trả lại cho chị Trương Thị Biên T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; Trả lại cho anh Lưu Công Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha.

(Tất cả các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Gia Nghĩa và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa ngày 22-5-2023).

2.4. Trả lại cho Lưu Văn Đ số tiền 3.150.000 đồng (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, theo ủy nhiệm chi ngày 05-5-2023).

2.5. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 15/QĐ-CSHS ngày 10-12-2022 đối với 04 cá thể chó sống bằng hình thức bàn giao, trao trả trực tiếp cho các chủ sở hữu và ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với 05 con chó đã chết bằng hình thức tiêu hủy.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Văn Đ, Lương Minh Q, Lê Nhật T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Gia Nghĩa;
- Phòng HS, NV CA thành phố Gia Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Gia Nghĩa;
- CCTHADS thành phố Gia Nghĩa;
- UBND xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huế